

Số: **3752** /QĐ-UBND

Mỹ Xuyên, ngày **10** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo ISO huyện Mỹ Xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện Mỹ Xuyên phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi áp dụng theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Xuyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN tỉnh;
- Lưu: VT, NC

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện Mỹ Xuyên
phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi áp dụng

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số **3752** /QĐ-UBND ngày **10** /12/ 2021
của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Xuyên)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Mỹ Xuyên, ngày 10 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Phương



PHỤ LỤC

CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA UBND HUYỆN MỸ XUYỀN ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(ban hành kèm theo Quyết định số **3752** /QĐ-UBND ngày **10** /12/2021
của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Xuyên)

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
Lĩnh vực lâm nghiệp		
1	QT-01/LN	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
2	QT-02/LN	Xác nhận bảng kê lâm sản
3	QT-02/LN	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu
Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn		
4	QT-01/KTHT	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
Lĩnh vực Thủy sản		
5	QT-01/TS	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
6	QT-02/TS	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
7	QT-03/TS	Công bố mở cảng cá loại 3
Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
8	QT-01/NNPTNT	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		
9	QT-01/GDĐT	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
10	QT-02/GDĐT	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục
11	QT-03/GDĐT	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại
12	QT-04/GDĐT	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở
13	QT-05/GDĐT	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
14	QT-06/GDĐT	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú
15	QT-07/GDĐT	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục
16	QT-08/GDĐT	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú
17	QT-09/GDĐT	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
18	QT-10/GDĐT	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học trường thực



STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
19	QT-11/GDĐT	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
20	QT-12/GDĐT	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
21	QT-13/GDĐT	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
22	QT-14/GDĐT	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học).
23	QT-15/GDĐT	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng
24	QT-16/GDĐT	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
25	QT-17/GDĐT	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở
26	QT-18/GDĐT	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
27	QT-19/GDĐT	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
28	QT-20/GDĐT	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
29	QT-21/GDĐT	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
30	QT-22/GDĐT	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
31	QT-23/GDĐT	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
32	QT-25/GDĐT	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
33	QT-26/GDĐT	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã
34	QT-28/GDĐT	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập
35	QT-29/GDĐT	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập
36	QT-30/GDĐT	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
37	QT-31/GDĐT	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS
38	QT-32/GDĐT	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở
39	QT-33/GDĐT	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
40	QT-34/GDĐT	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã thôn đặc biệt khó khăn
Lĩnh vực giáo dục mầm non		
41	QT-01/GDMN	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo
42	QT-02/GDMN	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
43	QT-03/GDMN	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp
Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại		
44	QT-01/GQKN	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện
45	QT-02/GQKN	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện
Lĩnh vực Giải quyết tố cáo		
46	QT-01/GQTC	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện
Lĩnh vực Tiếp công dân		
47	QT-01/TCD	Tiếp công dân tại cấp huyện
Lĩnh vực Xử lý đơn thư		
48	QT-01/XLD	Xử lý đơn tại cấp huyện
Lĩnh vực phòng chống tham nhũng		
49	QT-01/PCTN	Kê khai tài sản, thu nhập
50	QT-02/PCTN	Xác minh tài sản, thu nhập
51	QT-03/PCTN	Tiếp nhận yêu cầu giải trình
52	QT-04/PCTN	Thực hiện việc giải trình
Lĩnh vực Gia đình		
53	QT-01/GĐ	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
54	QT-02/GĐ	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
55	QT-03/GĐ	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
56	QT-04/GĐ	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
57	QT-05/GĐ	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
58	QT-06/GĐ	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)
Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử		
59	QT-01/PTTH	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
60	QT-02/PTTH	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
61	QT-03/PTTH	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
62	QT-04/PTTH	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành		
63	QT-01/XB	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
64	QT-02/XB	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy
Lĩnh vực Thư viện		
65	QT-01/TV	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
66	QT-02/TV	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
67	QT-03/TV	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng
Lĩnh vực Văn hóa		
68	QT-01/VH	Đăng ký tổ chức lễ hội
69	QT-02/VH	Thông báo tổ chức lễ hội
70	QT-03/VH	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm
71	QT-04/VH	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa
72	QT-05/VH	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
73	QT-06/VH	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke
74	QT-07/VH	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
75	QT-08/VH	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”
76	QT-09/VH	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
77	QT-10/VH	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”
Lĩnh vực Người có công		
78	QT-01/NCC	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
79	QT-02/NCC	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng
Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội		
80	QT-01/TNXH	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
81	QT-02/TNXH	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
82	QT-03/TNXH	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện
Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động		
83	QT-02/LĐTL	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền
Lĩnh vực bảo trợ xã hội		
84	QT-01/BTXH	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
85	QT-02/BTXH	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
86	QT-03/BTXH	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
87	QT-04/BTXH	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
88	QT-05/BTXH	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp
89	QT-06/BTXH	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện 4
90	QT-07/BTXH	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
91	QT-08/BTXH	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện
92	QT-09/BTXH	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
93	QT-10/BTXH	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
94	QT-11/BTXH	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
95	QT-12/BTXH	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
96	QT-13/BTXH	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc
97	QT-14/BTXH	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
98	QT-15/BTXH	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng
Lĩnh vực Trẻ em		
99	QT-01/TE	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
100	QT-01/TE	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
Lĩnh vực Hòa giải cơ sở		
101	QT-01/HGCS	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải
Lĩnh vực Hộ tịch		
102	QT-01/HT	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
103	QT-02/HT	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
104	QT-03/HT	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
105	QT-04/HT	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
106	QT-05/HT	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài
107	QT-06/HT	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
108	QT-07/HT	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
109	QT-08/HT	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc
110	QT-09/HT	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
111	QT-10/HT	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
112	QT-11/HT	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
113	QT-12/HT	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
114	QT-13/HT	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
115	QT-14/HT	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài
116	QT-15/HT	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
117	QT-16/HT	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch
Lĩnh vực nuôi con nuôi		
118	QT-01/NCN	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
Lĩnh vực Chứng thực		
119	QT-01/CT	Cấp bản sao từ sổ gốc
120	QT-02/CT	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
121	QT-03/CT	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
122	QT-04/CT	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)
123	QT-05/CT	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
124	QT-06/CT	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
125	QT-07/CT	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
126	QT-08/CT	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
127	QT-09/CT	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
128	QT-10/CT	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản
129	QT-11/CT	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản
130	QT-12/CT	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản
Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
131	QT-01/BTNN	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
132	QT-02/BTNN	Phục hồi danh dự
Lĩnh vực tổ chức - biên chế		
133	QT-01/TCBC	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
134	QT-02/TCBC	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
135	QT-03/TCBC	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
136	QT-04/TCBC	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
137	QT-05/TCBC	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
138	QT-06/TCBC	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện
Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ		
139	QT-01/PCP	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
140	QT-02/PCP	Thủ tục thành lập hội
141	QT-03/PCP	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội
142	QT-04/PCP	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội
143	QT-05/PCP	Thủ tục đổi tên hội
144	QT-06/PCP	Thủ tục hội tự giải thể

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
145	QT-07/PCP	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
Lĩnh vực Tôn giáo		
146	QT-01/TG	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo
147	QT-02/TG	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
148	QT-03/TG	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện
149	QT-04/TG	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện
150	QT-05/TG	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện
151	QT-06/TG	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
152	QT-07/TG	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện
153	QT-08/TG	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
Lĩnh vực thi đua khen thưởng		
154	QT-01/TĐKT	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
155	QT-02/TĐKT	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến
156	QT-03/TĐKT	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở
157	QT-04/TĐKT	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
158	QT-05/TĐKT	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề
159	QT-06/TĐKT	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất
160	QT-07/TĐKT	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
161	QT-08/TĐKT	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình
Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh		
162	QT-01/HKD	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
163	QT-02/HKD	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
164	QT-03/HKD	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
165	QT-04/HKD	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
166	QT-05/HKD	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (HTX)		
167	QT-01/HTX	Đăng ký thành lập hợp tác xã
168	QT-02/HTX	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
169	QT-03/HTX	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
170	QT-04/HTX	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
171	QT-05/HTX	Đăng ký khi hợp tác xã chia
172	QT-06/HTX	Đăng ký khi hợp tác xã tách
173	QT-07/HTX	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
174	QT-08/HTX	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
175	QT-09/HTX	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
176	QT-10/HTX	Giải thể tự nguyện hợp tác xã
177	QT-11/HTX	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
178	QT-12/HTX	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
179	QT-13/HTX	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
180	QT-14/HTX	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
181	QT-15/HTX	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
182	QT-16/HTX	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
Lĩnh vực quản lý công sản		
183	QT-01/QLCS	Mua quyền hóa đơn
184	QT-02/QLCS	Mua hóa đơn lẻ
Lĩnh vực Đường thủy nội địa		
185	QT-01/ĐTNĐ	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
186	QT-02/ĐTNĐ	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
187	QT-03/ĐTNĐ	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
188	QT-04/ĐTNĐ	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
189	QT-05/ĐTNĐ	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
190	QT-06/ĐTNĐ	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
191	QT-07/ĐTND	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
192	QT-08/ĐTND	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng
193	QT-09/ĐTND	Xóa đăng ký phương tiện
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước		
194	QT-01/LTHH	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
195	QT-02/LTHH	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
196	QT-03/LTHH	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
197	QT-04/LTHH	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
198	QT-05/LTHH	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
199	QT-06/LTHH	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
200	QT-07/LTHH	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
201	QT-08/LTHH	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
202	QT-09/LTHH	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Lĩnh vực Đường bộ		
203	QT-01/ĐB	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông
204	QT-02/ĐB	Gia hạn giấy phép
Lĩnh vực Kinh doanh khí (khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG))		
205	QT-01/KDK	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
206	QT-02/KDK	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
207	QT-03/KDK	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
Lĩnh vực Quản lý hoạt động xây dựng		
208	QT-01/HĐXD	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
209	QT-02/HĐXD	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
210	QT-03/HĐXD	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
211	QT-04/HĐXD	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
212	QT-05/HĐXD	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
213	QT-06/HĐXD	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) và nhà ở riêng lẻ
214	QT-07/HĐXD	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
215	QT-08/HĐXD	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc		
216	QT-01/QHXD	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
217	QT-02/QHXD	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện
218	QT-03/QHXD	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện
Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật		
219	QT-01/HTKT	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
Lĩnh vực Tài nguyên nước		
220	QT-01/TNT	Đăng ký khai thác nước dưới đất
Lĩnh vực Môi trường		
221	QT-01/MT	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm		

STT	Mã hiệu	Quy trình	Tên quy trình
222	QT-01/BKGDDB	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
223	QT-02/BKGDDB	(gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	
224	QT-03/BKGDDB	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	
225	QT-04/BKGDDB	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	
226	QT-05/BKGDDB	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	
227	QT-06/BKGDDB	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	
228	QT-07/BKGDDB	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	
229	QT-08/BKGDDB	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
230	QT-09/BKGDDB	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	
Lĩnh vực đăng ký đất đai			
231	QT-01/DB	Giai quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	
232	QT-02/DB	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá gia quyền sử dụng đất	
233	QT-03/DB	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá gia quyền sử dụng đất	
234	QT-04/DB	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	
235	QT-05/DB	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	
236	QT-06/DB	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	
237	QT-07/DB	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân	

STT	Mã hiệu	Tên quy trình
238	QT-08/DB	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
239	QT-09/DB	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
240	QT-10/DB	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
241	QT-11/DB	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sát lộ tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
242	QT-12/DB	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liên kế sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liên kế
243	QT-13/DB	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (X-QT số 02)
244	QT-14/DB	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
245	QT-15/DB	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất(X-QT số 05)
246	QT-16/DB	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
247	QT-17/DB	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp
248	QT-18/DB	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
249	QT-19/DB	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
250	QT-20/DB	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
251	QT-21/DB	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
252	QT-22/DB	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
253	QT-23/DB	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
254	QT-24/DB	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

STT	Mã hiệu Quy trình	Tên quy trình
255	QT-25/ĐĐ	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận
256	QT-26/ĐĐ	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
257	QT-27/ĐĐ	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp(X-QT số 10)
258	QT-28/ĐĐ	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
259	QT-29/ĐĐ	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
260	QT-30/ĐĐ	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
261	QT-31/ĐĐ	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
Lĩnh vực thuế		
262	QT-01/THUE	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
Lĩnh vực Biển và Hải đảo		
263	QT-01/BHĐ	Giao khu vực biển
264	QT-02/BHĐ	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển
265	QT-03/BHĐ	Trả lại khu vực biển
266	QT-04/BHĐ	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
267	QT-05/BHĐ	Công nhận khu vực biển
Lĩnh vực viễn thông, internet		
268	QT-01/VT	Cấp giấy phép kinh doanh trò chơi điện tử, internet